TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HN-PT
Ngày 25 - 11 - 2021
V/v Chia tài sản khi L hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị M Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về Tranh chấp về chia tài sản sau khi L hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị X, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 613A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 633B, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bà Võ Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Bà Võ Thị X trình bày: Bà X và ông M tổ chức lễ cưới vào năm 1989, có đăng ký kết hôn theo quy định, sống chung đến năm 1995 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông M gửi đơn xin L hôn tại Toà án nhân dân huyện L và Toà án triệu tập vợ chồng hòa giải một lần nhưng không thành rồi ông M bỏ nhà đi đến tháng 12/2015 mới trở về vợ chồng đoàn tụ lại. Thời gian lâu qua, bà X không nhớ được ngày tháng cụ thể đăng ký kết hôn vào năm 1989 và Tòa án thụ lý, giải quyết L hôn năm 1995. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn

Thị Trúc L, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Ý N, sinh năm 1995, ngoài ra bà X không có giấy tờ, tài liệu chứng cứ chứng minh vợ chồng có đăng ký kết hôn và chưa L hôn.

Trước tháng 12/2015 ông M trúng xổ số 09 tỷ đồng, khi vợ chồng đoàn tụ ông M dùng số tiền này chuyển nhượng thửa đất số 1, tờ bản đồ 78 diện tích 99,5m^2 mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn và xây dựng trên đất một căn nhà một trệt, một lầu tại số 633B, ấp A, xã Đ và thửa đất số 32, tờ bản đồ số 43 diện tích 1147m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L và mua một xe ô tô hiệu TOYOTA 07 chỗ biển kiểm soát 66A-039.95. Tất cả tài sản đều do ông M đứng tên có tổng giá trị là 2,2 tỷ đồng. Đến năm 2017, do nhu cầu phát triển kinh doanh phải vay vốn tại Ngân hàng và chứng minh bà X, ông M là vợ chồng nên cả hai đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 23/02/2017. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng vay ngân hàng số tiền 01 tỷ đồng để mua thêm hai xe ô tô loại 16 chỗ để kinh doanh xe dịch vụ. Khi vợ chồng sống xa nhau, ông M bán hai xe 16 chỗ để trả nợ ngân hàng, không còn.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông M nộp đơn yêu cầu L hôn và được xét xử bằng Bản án sơ thẩm số: 20/2020/HNGĐ-ST ngày 27/5/2020 của Toà án nhân dân huyện L. Bà X không đồng ý về phần tài sản nên làm đơn kháng cáo và Bản án phúc thẩm số: 24/2020/HNGĐ-PT ngày 11/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã Huỷ một phần bản án sơ thẩm số: 20/2020/HNGĐ-ST ngày 27/5/2020 của Toà án nhân dân huyện L về phần chia tài sản. Như vậy, về quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà X đã chấm dứt, về con chung đã giải quyết xong, về tài sản chung chưa giải quyết xong.

Đối với tài sản nêu trên giá trị 2,2 tỷ đồng, ông M có được từ trúng số trong thời gian hôn nhân của vợ chồng còn tồn tại nên bà X yêu cầu được chia ½ giá trị với số tiền 1,1 tỷ đồng và đồng ý giao cho ông M được quyền sử dụng, sở hữu hiện vật. Trường hợp ông M đồng ý giao lại cho bà X số tiền 200.000.000 đồng coi như số tiền bà X có công sức đóng góp trong việc duy trì số tài sản chung, tiền nuôi con thì bà X đồng ý nhận và không yêu cầu chia tài sản chung. Nếu ông M không đồng ý thì bà X yêu cầu chia tài sản chung số tiền 1,1 tỷ đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm bà X trình bày: Bà X thống nhất toàn bộ tài sản gồm: Thửa đất số 1 và căn nhà gắn liền với đất; thửa đất số 32 và xe ô tô biển kiểm soát 66A-039.95 là tài sản riêng của ông M và không yêu cầu chia giá trị tài sản. Do không xác định được tiền công nuôi con nên bà X không yêu cầu giải quyết tiền nuôi con. Từ khi vợ chồng đoàn tụ lại, bà X có công trong việc trông coi xây dựng nhà của ông M, kinh doanh cho thuê xe để duy trì, phát triển tài sản riêng của ông M những đóng góp đó cũng là tài sản chung nên bà X yêu cầu ông M phải trả tiền công làm phát sinh hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng

của ông M. Bà X không có chứng cứ để chứng minh số tiền công sức duy trì tài sản cụ thể là bao nhiêu nhưng bà X cho rằng từ ngày vợ chồng đoàn tụ lại với nhau mọi công việc trong gia đình đều một mình bà X làm, làm dịch vụ cho thuê xe thì bà X đứng ra ghi chép, nhận khách đặt xe và khi vợ chồng xa nhau không có sự trông coi của bà dẫn đến ông M phải bán 02 chiếc xe 16 chổ để trả nợ ngân hàng nên bà X yêu cầu được tính theo số tiền thuê người giúp việc gia đình là 7.000.000đồng/tháng tính từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017 là 24 tháng thành tiền 168.000.000 đồng. Bà X cũng thừa nhận từ khi vợ chồng đoàn tụ lại với nhau vợ chồng chỉ kinh doanh về việc cho thuê xe và nguồn tiền chi tiêu trong gia đình từ việc kinh doanh cho thuê xe không còn nguồn thu nào khác. Mỗi tháng ông M chỉ đưa cho bà X số tiền đi chợ mua thức ăn là 2.000.000 đồng, còn những khoản chi như tiền điện nước hay chi phí khác thì ông M tự chi và hiện nay cũng không phát sinh thêm tài sản nào khác. Do đó, bà X thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu ông M có nghĩa vụ phải trả tiền công làm phát sinh hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng của ông M với số tiền là 168.000.000 đồng. Ngoài ra bà X không có yêu cầu nào khác.

Ông Nguyễn Ngọc M trình bày: Ông M và bà X cưới nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc với nhau đến năm 1994 thì xảy ra mâu thuẫn, ông M làm đơn xin ly hôn với bà X. Năm 1995 ông M và bà X ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện L nhưng không lưu giữ quyết định ly hôn của Tòa án. Cuối năm 2015, ông M trúng xổ số 09 tỷ đồng, tháng 12/2015AL ông M hay tin con gái lớn tên Nguyễn Thị Trúc L có chồng nên ông đề nghị đình đám cưới để xây nhà sẽ tổ chức đám cưới cho con. Ngày 23/02/2017 ông M và bà X đến Uỷ ban nhân dân xã Đ đăng ký kết hôn lại, chung sống được khoảng 05 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân ông M mua các vật dụng mở quán cà phê và mua 02 chiếc xe ô tô 16 chỗ để chạy dịch vụ, nhưng vợ, con không phụ giúp ông làm kinh tế phục vụ cho gia đình. Do tình cảm của vợ chồng không còn nên ông M làm đơn yêu cầu được ly hôn với bà X, về con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, tài sản chung, nợ chung không có. Toà án nhân dân huyện L giải quyết cho vợ chồng ly hôn theo Bản án số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 27/5/2020. Bà X không đồng ý với bản án tuyên về tài sản chung nên kháng cáo. Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử bằng bản án phúc thẩm số 24/2020/HNGĐ-PT ngày 11/9/2020 quyết định: Huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 27/5/2020 của Toà án nhân dân huyện L về phần chia tài sản. Như vậy, toàn bộ yêu cầu của ông M đã được Toà án giải quyết xong, ông M không còn yêu cầu nào khác trong vụ án này.

Đối với thửa đất số 1 và căn nhà gắn liền với đất diện tích 99,5m^2; thửa đất số 32 diện tích 1147m^2 và một xe ô tô hiệu TOYOTA 07 chỗ biển kiểm soát 66A-039.95 do ông M đứng tên là tài sản riêng của ông có trước hôn nhân, tổng giá trị tài sản là 2,2 tỷ đồng. Ông M không đồng ý chia ½ giá trị tài sản số tiền 1,1 tỷ đồng và không đồng chia công sức đóng góp vào tài sản

chung số tiền 200.000.000 đồng. Lý do, vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 23/02/2017 và bà X không có công sức đóng góp vào tài sản riêng của ông cũng như vợ chồng không có tài sản chung.

Bà X thống nhất tài sản tranh chấp là tài sản riêng của ông M thì ông M thống nhất. Nay bà X yêu cầu ông M chia công sức đóng góp trong việc trông coi xây dựng nhà, kinh doanh cho thuê xe du lịch để duy trì, phát triển tài sản riêng của ông với số tiền 168.000.000 đồng, ông M không đồng ý. Vì từ tháng 12/2015 ông và bà X sống chung với nhau đến ngày 23/02/2017 đăng ký kết hôn và sống chung đến tháng 12/2017 sống xa nhau, bà X không có đóng góp gì vào việc duy trì và phát triển tài sản riêng của ông M. Quá trình sống chung ông M đã đưa tiền cho bà X để chi xài trong gia đình, bà X cũng không có phụ giúp trong việc kinh doanh dịch vụ cho thuê xe của ông M, không làm tròn bổn phận của người vợ. Trong quá trình chung sống hàng tháng ông M đều đưa cho bà X số tiền 7.000.000 đồng/tháng để chi tiêu trong gia đình nhưng tại phiên toà bà X chỉ thừa nhận 2.000.000 đồng/tháng là không đúng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị X về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ chia tài sản chung là công sức đóng góp làm phát sinh hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng với số tiền 168.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 20/5/2021, bà Võ Thị X kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được chia tài sản chung bằng công sức đóng góp của bà trong 24 tháng (từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017), mỗi tháng 7.000.000 đồng, thành tiền 168.000.000 đồng, do bà X đã bỏ công sức, tiền bạc để phục vụ ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Võ Thị X trình bày: Bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo yêu cầu ông M chia công sức đóng góp của bà vào tài sản riêng của ông M như nấu ăn buổi trưa cho thợ xây dựng căn nhà; vệ sinh nhà cửa, phục vụ sinh hoạt hằng ngày giặt quần áo, nấu ăn cho ông M; phụ giúp ông M ghi chép và nhận khách đặt xe, quét dọn và rửa xe như người giúp việc gia đình mỗi tháng 2.000.000 đồng x 24 tháng (tính từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017), thành tiền 48.000.000 đồng. Bà X thừa nhận ông M thuê khoán toàn bộ công trình xây dựng nhà, vợ chồng vay số tiền 01 tỷ đồng vào ngày 24/02/2017 để mua 01 xe ô tô 16 chỗ giá 1,1 tỷ đồng (trong đó 100.000.000 đồng là tiền riêng của ông M), ngoài ra không còn tài sản chung nào khác, bà X không góp tiền vào tài sản riêng của ông M, không sửa chữa nhà, không làm tăng giá trị tài sản riêng của ông M. Tiền thu được từ việc kinh doanh xe do ông M quản lý, ông M chi tiêu sinh hoạt hàng ngày trong gia đình như tiền điện, nước, trả tiền vay ngân hàng

và các chi phí phát sinh khác, mỗi tháng ông M đưa cho bà 2.000.000 đồng để chi tiêu mua thức ăn, có thiếu thì ông M đưa thêm không biết nguồn tiền ở đâu ông M có. Khi vợ chồng sống xa nhau, không có bà X quản lý, ông M bán xe của vợ chồng giá 600.000.000 đồng và xe ô tô 16 chỗ là tài sản riêng của ông M khoảng 300.000.000 đồng để lấy tiền trả nợ vay ngân hàng của vợ chồng. Đất vườn thửa 32 bà X không có canh tác đất, cải tạo đất, hiện nay ông M đã chuyển nhượng cho người khác, bà không có tranh chấp tài sản với ông M. Bà X không biết lợi nhuận bình quân mỗi tháng thu được bao nhiêu tiền, trừ tiền lãi, nợ vay ngân hàng còn bao nhiêu tiền, không phát sinh hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng của ông M cũng như tài sản chung của vợ chồng. Bà X không còn giấy tờ, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Hội đồng xét xử.

Ông Nguyễn Ngọc M trình bày: Bà X không đóng góp công sức, tài sản vào tài sản riêng của ông M nên ông không đồng ý chia công sức đóng góp cho bà X số tiền 48.000.000 đồng. Chi phí sinh hoạt, kinh tế gia đình từ khi ông và bà X sống chung đều lấy từ tiền riêng của ông, ông M quản lý, chi tiêu sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời, mỗi tháng ông M đưa cho bà X 7.000.000 đồng để mua thức ăn cho bà X, chị ruột bà X và ông. Việc xây dựng nhà ông thuê khoán toàn bộ công trình, trực tiếp quản lý, buổi trưa mua thức ăn ở tiệm mang đến và dọn về, ông M đưa tiền cho bà X trả, không nấu ăn tại nhà như lời trình bày của bà X. Đất vườn ông bán xoài lá, sổ sách theo dõi hoạt động kinh doanh xe ông trực tiếp quản lý, bà X bị nấm móng tay không đụng vào nước được nên không có dọn xe, rửa xe. Khi trúng số về ông cho bà X rất nhiều vàng, tiền trả nợ và muốn bù đắp lại cho vợ, con, mua vật dụng mở quán cà phê, kinh doanh xe dịch vụ nhưng vợ con không chịu làm để tạo thêm thu nhập phát triển kinh tế gia đình, không nấu cơm cho ông ăn, lợi nhuận từ xe ít, phát sinh nhiều chi phí nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng nợ ngân hàng 01 tỷ đồng ông phải bán xe và lấy tiền riêng trả nợ chung của vợ chồng, bà X không có công sức đóng góp và cũng không có yêu cầu bà X phải trả lại tiền cho ông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đúng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bà X thay đổi yêu cầu kháng cáo yêu cầu ông M chia công sức đóng góp như người giúp việc gia đình số tiền 48.000.000 đồng. Vì công việc trong nhà do một mình bà X làm, ghi chép và nhận khách đặt xe. Khi vợ chồng sống xa nhau không có sự trông coi của bà X dẫn đến ông M bán 02 xe ô tô 16 chỗ để trả nợ ngân hàng. Xét thấy, bà X và ông M có quan hệ vợ chồng, phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo

của bà X yêu cầu ông M có nghĩa vụ chia công sức đóng góp của bà vào khối tài sản riêng của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà X nộp trong hạn luật định nên được X là hợp lệ, được X xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện và kháng cáo yêu cầu ông M chia công sức đóng góp vào tài sản riêng của ông M số tiền 48.000.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[2] Bà X và ông M thống nhất vợ chồng đã ly hôn theo Bản án số 20/2020/HNGĐ-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L. Bà X không đồng ý về chia tài sản nên kháng cáo. Đến ngày 11/9/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm bằng Bản án số 24/2020/HNGĐ-PT hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản khi ly hôn.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X thống nhất thửa đất số 1, tờ bản đồ 78 diện tích 99,5m^2 và căn nhà gắn liền với đất; thửa đất số 32, tờ bản đồ số 43 diện tích 1147m^2, cùng tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L; xe ô tô Ford 07 chỗ ngồi biển kiểm soát 66A-039.95; 01 xe ô tô 16 chỗ ngồi hiệu Fortransit biển số 66B-00908 là tài sản riêng của ông M.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu chia công sức đóng góp của bà X vào tài sản riêng của ông M tính từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2017 là 24 tháng x 2.000.000 đồng/tháng, thành tiền 48.000.000 đồng: Bà X cho rằng khi ông M xây dựng nhà buổi trưa bà nấu ăn cho thợ, phụ ông M nhận khách đặt xe và ghi vào sổ sách theo dõi, vệ sinh xe nhưng bà không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng cứ chứng minh, còn ông M không thừa nhận việc này. Bà X và ông M không có thỏa thuận phải trả tiền công thuê bà X giúp việc gia đình trong thời gian ông, bà sống chung từ tháng 12/2015 đến khi vợ chồng kết hôn theo quy định. Bà X thừa nhận bà và ông M chỉ kinh doanh xe dịch vụ lấy lợi nhuận phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình và trả lãi vay ngân hàng, có thu lợi nhuận hay lỗ bà không biết, ông M quản lý tiền chi tiêu trong gia đình và trả lãi vay ngân hàng, đồng thời mỗi tháng ông M đưa cho bà X số tiền 2.000.000 đồng để mua thức ăn, chi tiêu hàng ngày cho bà, chị ruột của bà và ông M, thiếu thì ông M đưa thêm, nguồn tiền ở đâu ông M có bà X cũng không biết. Đồng thời, bà X cũng thống nhất ông M trả nợ chung của vợ chồng từ tiền bán xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng số tiền 600.000.000 đồng và lấy tài sản riêng của ông M trả xong tiền vốn vay 01 tỷ đồng và lãi cho ngân hàng, hiện nay bà và ông M không có tranh chấp khoản nợ này. Quá trình chung sống, bà X sinh sống tại nhà của ông M, không sửa chữa nhà, không làm tăng giá trị nhà và đất, không trồng cây, cải tạo đất vườn, cũng không làm phát sinh hoa lợi, lợi tức làm tăng giá trị tài sản riêng của ông M. Việc bà X thực hiện các công việc trong gia đình, chăm sóc ông M là thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn

nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X.

[5] Bà X yêu cầu chia công sức đóng góp của bà vào tài sản riêng của ông M như người giúp việc gia đình, mọi công việc trong gia đình do bà X làm, bà X ghi chép và nhận khách đặt xe dịch vụ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà X là có căn cứ phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà X và nhận định nêu trên của Tòa án cấp phúc thẩm. Tuy Nên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà X thay đổi yêu cầu chia hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của ông M và quyết định không chấp nhận yêu cầu chia công sức đóng góp làm phát sinh hoa lợi, lợi tức vào tài sản riêng của ông M là chưa phù hợp. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bà X thay đổi số tiền 168.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo thành số tiền 48.000.000 đồng. Về bản chất vụ án vẫn là chia công sức đóng góp của bà X vào tài sản riêng của ông M không thay đổi và để ổn định bản án sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cách tuyên án cho phù hợp.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bà X phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị X. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

Căn cứ vào Điều 14, Điều 16, Điều 33, Điều 43, Điều 59 Luật hôn và nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, 92 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 10 của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị X về yêu cầu chia công sức đóng góp vào tài sản riêng của ông Nguyễn Ngọc M.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0014180 ngày

21/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà X đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND Tỉnh;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND H. L;
- Chi cục THADS H.L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Huỳnh Kim Oanh